

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 10 - 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.
2. Ông Nguyễn Văn Hai.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Trí Đ - sinh năm: 1985 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 448/TLA, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết A - sinh năm: 1987 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 78, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là anh Phạm Trí Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đ và chị Tuyết A quen biết và tìm hiểu nhau được 07 năm và tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2013 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân xảy ra

nhieu xung đột và bất đồng về quan điểm sống. Năm 2017, chị Tuyết A bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống khoảng 01 năm, con chung thì vẫn sống với anh Đ. Đến năm 2018, chị Tuyết A trở về sống chung với anh Đ, cuộc sống vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể hàn gắn. Anh Đ và chị Tuyết A đã sống ly thân từ khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2019 đến nay.

Nay, anh Đ xác định không còn tình cảm với chị Tuyết A, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với chị Tuyết A không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ không thể tiếp tục chung sống với chị Tuyết A. Anh Đ yêu cầu được ly hôn chị Tuyết A .

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quốc T - sinh ngày: 10/3/2014, hiện đang sống với chị Tuyết A. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung; anh Đ không yêu cầu chị Tuyết A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Tuyết A thống nhất theo lời trình bày của anh Đ về thời gian tìm hiểu, chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn.

Chị Tuyết A thừa nhận là trong quá trình chung sống từ khi đám cưới đến nay, vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra nhiều xung đột và bất đồng về quan điểm sống nên vào năm 2017, chị Tuyết A có bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống được khoảng 01 năm thì trở về sống chung với anh Đ, cuộc sống vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Khoảng tháng 4, tháng 5/2019 đến nay, chị Tuyết A và anh Đ không còn sống chung với nhau nữa.

Nay chị Tuyết A xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị Tuyết A không còn tình cảm với anh Đ, cuộc sống hôn nhân với anh Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tuyết A không thể tiếp tục chung sống với anh Đ. Chị Tuyết A đồng ý ly hôn anh Đ.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quốc T - sinh ngày: 10/3/2014, hiện đang sống với chị Tuyết A. Khi ly hôn, chị Tuyết A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung; chị Tuyết A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Tuyết A xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Đ và chị Tuyết A .

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Phạm Quốc T - sinh ngày: 10/3/2014, hiện đang sống với chị Tuyết A cho chị Tuyết A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Tuyết A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do anh Đ, chị Tuyết A xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Phạm Trí Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết A là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Trí Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết A chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2013 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Tuyết A được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa anh Đ và chị Tuyết A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều xung đột không thể hàn gắn. Anh Đ và chị Tuyết A đã sống ly thân từ khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, anh Đ xác định là không còn tình cảm với chị Tuyết A , mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với chị Tuyết A không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm, lo lắng cho nhau, anh Đ không thể tiếp tục chung sống với chị Tuyết A. Anh Đ yêu cầu được ly hôn chị Tuyết A.

Về phía chị Tuyết A cũng thừa nhận là trong quá trình chung sống từ khi đám cưới đến nay, vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra nhiều xung đột và bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 4, tháng 5/2019 đến nay; tại phiên tòa chị Tuyết A xác định không còn tình cảm với anh Đ, cuộc sống hôn nhân với anh Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tuyết A không thể tiếp tục chung sống với anh Đ. Chị Tuyết A đồng ý ly hôn anh Đ.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Tuyết A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu anh Đ và chị Tuyết A đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, anh Đ xác định là không còn tình cảm với chị Tuyết A, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với chị Tuyết A không có hạnh phúc, anh Đ không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho chị Tuyết A. Về phía chị Tuyết A cũng thừa nhận và xác định là cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, chị Tuyết A không còn tình cảm với anh Đ. Chị Tuyết A đồng ý ly hôn anh Đ. Do đó, xét thấy việc anh Đ và chị Tuyết A thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, anh Đ và chị Tuyết A đều có yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Phạm Quốc T- sinh ngày: 10/3/2014 (*hiện đang sống với chị Tuyết A*). Cả hai đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu T đang có cuộc sống ổn định với chị Tuyết A, được chị Tuyết A và những người thân trong gia đình của chị Tuyết A quan tâm, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình thương cho cháu, hiện cháu có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác, cháu T còn quá nhỏ, rất cần có sự chăm sóc, nuôi

dạy của mẹ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu trong sinh hoạt, học tập, có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu T cho chị Tuyết A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu T. Anh Đ được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Tuyết A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh Đ, chị Tuyết A cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Trí Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận anh Phạm Trí Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết A thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Quốc T - sinh ngày: 10/3/2014, hiện đang sống với chị Tuyết A. Chị Tuyết A không yêu cầu anh Phạm Trí Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Anh Phạm Trí Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Trí Đ nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh Đ đã nộp ngày 22/8/2019 theo biên lai thu số 0009900 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP. S;
- UBND xã T, huyện L, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh